

Số: 910/2019/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 245/DSST ngày 02/3/2017, về việc “Tranh chấp quyền sở hữu nhà ở”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 22/7/2019 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hoàng Y, sinh năm 1974

Địa chỉ: số nhà G Đường số H, Cư xá Đô Thành, Phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950

Địa chỉ: số nhà L đường H, Phường J quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh năm 1959

Địa chỉ: số nhà M (số mới N) H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Văn Cam S, sinh năm 1941

2. Ông Phan Văn Quýt Đ, sinh năm 1943

Cùng địa chỉ: số nhà E, đường H, phường F, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Phạm H, sinh năm 1941

Địa chỉ: số nhà F Khu phố D, Thị trấn H, tỉnh Tây Ninh.

4. Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1944

Địa chỉ: số nhà E1 Khu phố B, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Phạm Hồng T2, sinh năm 1939

Địa chỉ: X, D1, S, CA 95116, USA.

6. Ông Phan Thanh L, sinh năm 1966

Địa chỉ: số nhà T, đường V, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Phan Đăng G, sinh năm 1951

Địa chỉ: số nhà R, đường X, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phan Quế M, sinh năm 1958

Địa chỉ: số nhà E1, đường Q, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Phan Việt H, sinh năm 1947

Địa chỉ: U, G, E, CA 9173, USA.

10. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1927

Địa chỉ: U, G, E, CA 91731, USA.

11. Bà Trương Thị N1, sinh năm 1948

Địa chỉ: số nhà T1 Đường số T, Cư xá Đ, Phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Võ Phi H1, sinh năm 1948

Địa chỉ: số nhà C1 đường P, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1953

Địa chỉ: số nhà C2, Đường số C3, Khu phố C4, phường C5, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1958

Địa chỉ: số nhà D2, đường Đ3, Phường D4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Ông Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1961

Địa chỉ: số nhà E1, H, xã E2, huyện E3, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Ông Phan Hữu Bánh M, sinh năm 1935

Địa chỉ: X1 O.S, CA 95121, ID # A7010942, USA.

17. Ông Phan Văn Toại C, sinh năm 1940

Địa chỉ: X2, O, Washington 98056, USA.

18. Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1961

19. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1963

20. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1969

21. Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1972

22. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: số nhà H1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, ông Đ, ông H, ông T1, ông T2, ông L, ông G, bà M, ông H, bà N, bà N1, ông H, ông V, ông N, ông O, ông M, ông C, bà L, ông Đ, ông P, bà T và ông P: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà H1 đường H, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận bà Nguyễn Thị Kim N được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 106/4 (số mới 124/12) đường H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 559903, số vào sổ cấp GCN: CH 03118 do Ủy ban nhân dân Quận B cấp ngày 01/8/2013.

Bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm giao cho bà Phan Thị Hoàng Y số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng ngay sau khi quyết định công nhận sự thỏa thuận có hiệu lực pháp luật.

Bà Phan Thị Hoàng Y cam kết giao lại số tiền trên cho các đồng thừa kế của ông Phan Hữu T. Bà Y chịu trách nhiệm với các thừa kế của ông Phan Hữu T nếu có tranh chấp.

Án phí dân sự sơ thẩm 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) nguyên đơn phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Y đã đóng 5000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0031998 ngày 10/02/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Y còn phải đóng 9.000.000 (Chín triệu) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THA DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Tú Oanh